TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 43/2024/DS-ST Ngày: 22 - 4 - 2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Tuyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Kim Son**

2. Bà **Trần Thị Minh Hiền**

- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên toà:
Ông **Phạm Hoài Hận**

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2023, về: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH S Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở chính: 128 Nguyễn Du, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PRART J – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Võ Minh X**.

Người được uỷ quyền lại: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1997 – Chức vụ: Nhân viên Công ty (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 104 đường 3/2 phường H, quận Ninh K, thành phố C.

Theo văn bản uỷ quyền số 07/04/01/2023/UQ-SVN ngày 01/7/2023.

Bị đơn: Ông **Lê Hoàng T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Ninh, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn yêu cầu buộc ông Lê Hoàng T thanh toán số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 25.195.780 *(Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi đồng)* bao gồm tiền gốc 20.322.455 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.248.883 đồng, tiền lãi quá hạn 1.624.442 đồng. Đối với phí quản lý hồ sơ: 1.192.629 đồng, phí mượn xe: 7.525.574 đồng và yêu cầu trả xe thì phía nguyên đơn xác định không yêu cầu ông T phải trả. Ngoài ra yêu cầu ông T phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 12/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn trình bày: Căn cứ hợp đồng cầm

cố số OMM221201012NA20X giải ngân ngày 12/12/2022 được ký giữa Ông Lê Hoàng T với Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh trà nóc cụ thể như sau:

Ông Lê Hoàng T có cầm cố tài sản cho Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh Trà Nóc tài sản là:

+ 01 xe máy Biển số: 65H1-432.60

+ Loại xe : XE WINNER X 149 CC màu đen vàng đồng

+ Số khung RLHKC3710LY112741

+ Số máy KC34E1187065

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số : 038880 do Công an Cần Thơ cấp ngày 30/11/2020; Số tiền cầm cố tài sản: 22.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 12 tháng; gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 12.

Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; Phí quản lý hồ sơ: 0.5% tháng; Phí mượn xe: 3% tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích cầm cố: sử dụng mục đích cá nhân không vi phạm pháp luật; Ngày đến hạn: 12/01/2023.

Tính đến ngày 22/4/2024 ông Lê Hoàng chỉ thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh Trà Nóc số tiền là 3.429.000 đồng. Trong đó gồm: tiền gốc là 1.318.574 đồng, tiền lãi: 484.000 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ: 220.000 đồng, phí mượn xe: 1.406.426 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố ông Lê Hoàng T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh Trà Nóc đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên công ty đến gặp trực tiếp ông Lê Hoàng T thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của ông T với công ty nhưng ông Lê Hoàng T vẫn không hợp tác, cố ý lẩn tránh chây ỳ không thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố mà ông T đã mượn của công ty theo giấy mượn xe ngày 12/12/2022.

Ông Lê Hoàng T không có mặt theo thông báo và triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản nêu ý kiến đến Tòa nên không có lời khai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận (kèm theo bài phát biểu của Kiểm sát viên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Hoàng T được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

[3] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện ông Lê Hoàng Thắng với Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh Trà Nóc có ký kết hợp đồng cầm cố và phụ lục hợp đồng cầm cố số OMM221201012NA20X giải ngân ngày 12/12/2022 và giấy mượn xe ngày 12/12/2022. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông Lê Hoàng Thắng cầm cố cho Công ty TNHH S Việt Nam – Chi nhánh Trà Nóc 01 xe máy Biển số: 65H1-432.60, loại xe: WINNER X 149CC màu đen vàng đồng; Số khung RLHKC3710LY112741; Số máy KC34E1187065. Thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 12/12/2022 đến ngày 12/12/2023). Số tiền cầm cố 22.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ: 0.5% tháng; Phí mượn xe: 3% tháng. Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản thì ông Lê Hoàng T đã ký giấy mượn lại xe nêu trên và sử dụng cho đến nay. Tính đến thời điểm khởi kiện thì hợp đồng cầm cố và mượn lại xe đã quá thời hạn thỏa thuận. Ông Lê Hoàng T chỉ thanh toán được số tiền 3.429.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 1.318.574 đồng; tiền lãi: 484.000 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ: 220.000 đồng, phí mượn xe: 1.406.426 đồng (tính đến 05/01/2024). Nay Công ty TNHH S Việt Nam yêu cầu ông Lê Hoàng T thanh toán số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 25.195.780 đồng (tiền nợ gốc: 20.322.455 đồng; lãi trong hạn 3.248.883 đồng; lãi quá hạn 1.624.442 đồng). Ngoài ra yêu cầu ông T còn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký, kể từ ngày 23/4/2024 đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Phía nguyên đơn đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH S Việt Nam là có căn cứ cần chấp nhận. Đại diện theo ủy quyền xác định không yêu cầu ông T giao lại xe đã cầm cố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần buộc ông Lê Hoàng T chịu nộp theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 309, Điều 310, Điều 311, 403 và Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam. Buộc Lê Hoàng T phải trả cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 25.195.780 (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi) đồng. Trong đó tiền nợ gốc 20.322.455 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.248.883 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.624.442 đồng.

Kể từ ngày 23/4/2024 ông Lê Hoàng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số OMM221201012NA20X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Hoàng T chịu nộp 1.259.000 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 594.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007365 ngày 07/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân địa phương đối với đương sự vắng mặt để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận**:*
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên